

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo tài chính cho
giai đoạn chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2013



Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
 Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười hai lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 09 tháng 09 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Úc My Ông Lê Văn Dĩnh Ông Võ Tòng Xuân Ông Phạm Hồng Dương Trần Quế Trang Ông Thái Văn Chuyên	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 1 tháng 3 năm 2013) Thành viên (đến ngày 28 tháng 2 năm 2013) Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Bà Trương Thị Hồng Ông Nguyễn Văn Đệ Ông Đinh Văn Hiệp Ông Phạm Hồng Dương Ông Kumarasamy Nallaiyan Bà Dương Thị Tô Châu Ông Nguyễn Thành Khiêm Ông Nguyễn Quốc Việt Ông Lê An Khang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc thường trực (từ ngày 15 tháng 07 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 07 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 07 năm 2013) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 3 năm 2013) Giám Đốc Nông nghiệp (đến ngày 15 tháng 1 năm 2013) Giám đốc Thương mại Giám đốc Nhà máy Giám Đốc hỗ trợ (đến ngày 1 tháng 1 năm 2013) Giám Đốc hỗ trợ (từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 1 tháng 6 năm 2013)
Kế Toán Trưởng Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Thùy Tiên Bà Nguyễn Thùy Vân Ông Lê Nho Định Ông Lê Văn Hòa Ông Nguyễn Trọng Hòa Ông Nguyễn Tiến Cường	Kế toán trưởng Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013) Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013) Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2013)
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn chín tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Thái Văn Chuyện
Thành viên Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.759.084.888.183	1.421.289.426.760
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.273.494.352	110.669.897.291
Tiền	111		23.273.494.352	110.669.897.291
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	12	261.640.010.334	202.458.604.234
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		357.164.953.943	297.983.547.843
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(95.524.943.609)	(95.524.943.609)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.053.300.543.309	729.502.883.593
Phải thu khách hàng	131		223.029.267.477	264.032.376.939
Trả trước cho người bán	132		759.177.512.058	418.517.643.528
Các khoản phải thu khác	135		94.427.952.855	69.995.237.367
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(23.334.189.081)	(23.042.374.241)
Hàng tồn kho	140	7	332.350.337.940	339.388.288.019
Hàng tồn kho	141		332.592.894.827	339.630.844.906
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(242.556.887)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		88.520.502.248	39.269.753.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	81.226.447.370	34.332.668.947
Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	2.357.450.779
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.424.790.662	0
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.869.264.216	2.579.633.897
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.188.722.327.119	1.213.104.199.105
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	-	54.686.136.164
Phải thu dài hạn khác	218		-	54.686.136.164
Tài sản cố định	220		619.678.147.990	645.580.386.104
Tài sản cố định hữu hình	221	9	548.421.837.825	540.043.448.468
Nguyên giá	222		1.677.130.425.139	1.613.205.566.904
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.128.708.587.314)	(1.073.162.118.436)
Tài sản cố định vô hình	227	10	41.732.671.531	42.665.949.536
Nguyên giá	228		51.065.241.971	51.212.046.019
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.332.570.440)	(8.546.096.483)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	29.523.638.634	62.870.988.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	561.573.184.358	499.582.134.384
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		496.720.784.523	435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác	258		94.637.617.204	94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(29.785.217.369)	(31.060.596.643)
Tài sản dài hạn khác	260		7.470.994.771	13.255.542.453
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.081.503.776	7.843.741.131
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.389.490.995	5.273.753.022
Tài sản dài hạn khác	268		-	138.048.300
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.947.807.215.302	2.634.393.625.865
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.186.817.227.407	938.635.369.571
Nợ ngắn hạn	310		1.170.129.177.407	889.469.256.095
Vay ngắn hạn	311	15	1.088.713.790.697	714.178.138.970
Phải trả người bán	312		8.246.736.542	41.460.174.576
Người mua trả tiền trước	313	16	31.157.230.383	29.752.623.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	8.216.747.740	4.980.685.467
Phải trả người lao động	315		4.616.173.050	9.431.820.585
Chi phí phải trả	316	18	7.787.038.868	60.051.144.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	3.697.728.060	19.174.814.536
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	17.693.732.067	10.439.854.010
Vay dài hạn	330		16.688.050.000	49.166.113.476
Vay dài hạn	334	21	16.688.050.000	49.166.113.476
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	21	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.760.989.987.895	1.695.758.256.294
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.760.989.987.895	1.695.758.256.294
Vốn cổ phần	411	23	1.485.000.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		13.818.011.060	7.594.294.697
Cổ phiếu quỹ	414	23	(104.508.192.093)	(129.471.347.730)
Quỹ đầu tư phát triển	417		97.098.444.233	60.085.099.152
Quỹ dự phòng tài chính	418		87.560.743.223	69.054.070.682
Lợi nhuận chưa phân phối	420		182.020.981.472	269.238.139.493
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.947.807.215.302	2.634.393.625.865

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công (KG)		928.650	6.679.726
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		4.862.066.581	4.868.349.860
Ngoại tệ (USD)		12.548,00	6.601
Ngoại tệ (EUR)		-	500
Ngoại tệ (KHR)		-	-

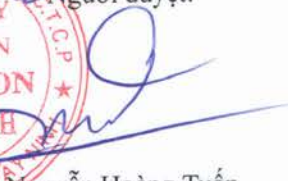
Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Hoàng Tuấn
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/9/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/9/2012 VND
Tổng doanh thu	01	26	1.474.942.383.660	1.478.665.189.491
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.258.848.254	1.343.740.977
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	1.473.683.535.406	1.477.321.448.514
Giá vốn hàng bán	11	27	1.289.788.201.197	1.185.757.083.991
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		183.895.334.209	291.564.364.523
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	118.315.590.818	208.602.315.916
Chi phí tài chính	22	29	79.030.909.075	156.575.264.511
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.952.781.747	58.600.769.088
Chi phí bán hàng	24		31.463.564.274	27.698.166.915
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.964.726.256	38.364.734.011
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		146.751.725.422	277.528.515.002
Thu nhập khác	31		6.341.345.761	1.530.137.091
Chi phí khác	32		3.712.670.602	3.460.191
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.628.675.159	1.526.676.900
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		149.380.400.582	279.055.191.902
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	14.132.192.889	23.501.541.304
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	3.884.262.027	3.013.485.634
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		131.363.945.666	252.540.164.965
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		31	972	1.972

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Hoàng Tuấn
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN**

	Mã số	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30/9/2013 VND	30/9/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	149.380.400.582	279.055.191.902
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	63.453.465.373	61.213.757.126
Các khoản dự phòng	3	(1.056.274.776)	97.256.009.447
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5	(845.229.927)	-
Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan	5	(46.728.515.457)	(43.649.291.142)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(55.156.843.854)	(39.230.771.086)
Thu nhập cổ tức	5	(16.101.788.400)	(14.712.486.400)
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	5	-	(110.555.364.630)
Chi phí lãi vay	6	74.952.781.747	58.600.769.088
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	167.897.995.288	287.977.814.305
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	9	(298.008.678.786)	(344.206.191.293)
Biến động hàng tồn kho	10	7.037.950.079	161.164.463.789
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(93.298.105.011)	(155.272.753.007)
		(216.370.838.430)	(50.336.666.206)
Tiền lãi vay đã trả	13	(75.217.623.103)	(62.445.745.278)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.795.877.960)	(33.123.903.290)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(22.356.798.007)	(24.458.016.472)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(333.741.137.500)	(170.364.331.246)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN**

	Mã số	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2013	30/9/2012
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(21.101.658.543)	(29.056.216.651)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.629.067.407	2.700.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(7.200.000.000)	(61.224.060.000)
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào chứng khoán	26	-	247.500.000.000
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	24.000.000.000
Tiền ký quỹ nhận được từ bán các khoản đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	112.700.000.000
Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức	27	33.408.532.046	25.832.346.361
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	6.735.940.910	319.754.769.710

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	31.186.872.000	-
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	(33.231.840.138)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	2.292.893.934.952	1.468.463.180.886
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.950.836.346.701)	(1.366.505.852.001)
Tiền trả cổ tức	36	(133.635.666.600)	(255.860.552.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	239.608.793.651	(187.135.063.653)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2013	30/9/2012
		VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(87.396.402.939)	(37.744.625.189)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	110.669.897.291	88.725.909.901
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	23.273.494.352	50.981.284.712

Người lập:



Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Hoàng Tuấn
Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ngày 18 tháng 10 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có 512 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 810 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phần phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn khác kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	838.317.084	400.448.204
Tiền gửi ngân hàng	22.435.177.268	110.269.449.087
	23.273.494.352	110.669.897.291

6. Các khoản phải thu

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	425.953.912.699	301.317.238.306
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	135.908.116.303	54.686.136.164
Trả trước cho người bán	197.315.483.056	62.514.269.058
	759.177.512.058	418.517.643.528

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13,5% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	67.197.170.860	43.377.407.139
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	3.271.649.540	3.848.954.161
Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	20.300.000.000
Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ	-	848.473.700
Phải thu dự án Svayrieng_Campuchia (*)	12.867.804.086	-
Phải thu khác	11.091.328.369	1.620.402.367
	<u>94.427.952.855</u>	<u>69.995.237.367</u>

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên vật liệu	42.259.686.015	62.041.234.378
Công cụ và dụng cụ	139.360.338	64.102.810
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.333.446.587	43.771.079.175
Thành phẩm	279.846.197.898	207.870.694.011
Hàng hóa	14.203.989	9.996.507.532
Hàng gửi đi bán	-	15.887.227.000
	<u>332.592.894.827</u>	<u>339.630.844.906</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	<u>332.350.337.940</u>	<u>339.388.288.019</u>

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	279.333.832.755	1.242.545.956.398	24.186.483.462	8.295.498.140	58.843.796.149	1.613.205.566.904
Tăng trong năm		5.914.461.757	1.063.695.454	345.000.000		7.323.157.211
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang		65.130.031.532				65.130.031.532
Thanh lý	(419.962.501)	(2.972.181.242)	(673.145.630)	(4.024.575.516)	(438.465.619)	(8.528.330.508)
Số dư cuối kỳ	278.913.870.254	1.310.618.268.445	24.577.033.286	4.615.922.624	58.405.330.530	1.677.130.425.139
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	136.322.152.230	861.605.204.542	11.473.621.976	7.391.736.656	56.369.403.032	1.073.162.118.436
Khấu hao trong năm	7.566.101.775	50.261.165.315	2.251.452.871	299.825.667	2.141.641.740	62.520.187.368
Thanh lý	(357.409.908)	(1.819.245.194)	(645.608.392)	(3.729.288.271)	(422.166.725)	(6.973.718.490)
Số dư cuối kỳ	143.530.844.097	910.047.124.663	13.079.466.455	3.962.274.052	58.088.878.047	1.128.708.587.314
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	143.011.680.525	380.940.751.856	12.712.861.486	903.761.484	2.474.393.117	540.043.448.468
Số dư cuối kỳ	135.383.026.157	400.571.143.782	11.497.566.831	653.648.572	316.452.483	548.421.837.825

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN**

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 158.707 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 163.328 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	47.483.754.819	3.728.291.200	51.212.046.019
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
Thanh lý		(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.581.487.152	51.065.241.971
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.602.982.425	2.943.114.058	8.546.096.483
Khấu hao trong kỳ	783.683.731	149.594.274	933.278.005
Thanh lý		(146.804.048)	(146.804.048)
Số dư cuối kỳ	6.386.666.156	2.945.904.284	9.332.570.440
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	41.880.772.394	785.177.142	42.665.949.536
Số dư cuối kỳ	41.097.088.663	635.582.868	41.732.671.531

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.008 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.155 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	62.870.988.100	36.829.486.105
Tăng trong kỳ	31.782.682.066	35.866.561.954
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(65.130.031.532)	(41.946.309.615)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(749.962.000)
Số dư cuối kỳ	29.523.638.634	29.999.776.444

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	30/9/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nâng cấp dây chuyền sản xuất	13.460.930.432	47.333.614.684
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	13.883.618.573	12.917.142.603
Khác	2.179.089.629	2.620.230.813
	29.523.638.634	62.870.988.100

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

	30/9/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
(a) Đầu tư dài hạn								
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
▪ Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)	6.815.148	21,64%	21,64%	129.530.737.123	6.815.148	21,64%	21,64%	129.530.737.123
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (iv)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (v)	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000	-	-	-	-
				496.720.784.523				435.754.797.123
Đầu tư dài hạn khác								
▪ Đầu tư chứng khoán (vi)				93.772.155.000				93.772.155.000
▪ Đầu tư dài hạn khác				865.462.204				1.115.778.904
				94.637.617.204				94.887.933.904
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(29.785.217.369)				(31.060.596.643)
				561.573.184.358				499.582.134.384

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết (vii)	327.164.953.943	297.983.547.843
Cho vay công ty liên kết(viii)	30.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(95.524.943.609)	(95.524.943.609)
	261.640.010.334	202.458.604.234

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần của Bourbon An Hòa cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng cấp cho Bourbon An Hòa.

- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

- (iii) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí; mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

- (iv) Trong kỳ Công ty mua 1.389.302 cổ phần (23,95%) của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”). Đường Nước Trong được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (v) Trong kỳ Công ty đã góp 24% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”). Mía Đường Thành Thành Công được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (vi) Đầu tư chứng khoán bao gồm:

	30/9/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	2.500.000	48.823.125.000	2.500.000	48.823.125.000
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	2.996.602	44.949.030.000	2.996.602	44.949.030.000
	5.496.602	93.772.155.000	5.496.602	93.772.155.000

- (vii) Các khoản vay cấp cho Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5% trong kỳ (giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: từ 15% đến 18,5% một năm). Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 25.332.451.939 VND (giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 31.966.021.879 VND) đã được chuyển đổi thành nợ gốc vay.
- (viii) Khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công, một công ty liên kết theo hợp đồng vay số 005/2013/HĐVV/SBT-ĐTTTC ngày 29/7/2013 với mức lãi suất 11%/năm. Khoản vay này sẽ được hoàn trả vào tháng 10/2013.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày		Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	95.524.943.609	18.258.171.246	31.060.596.643	36.339.400.956
Tăng trong kỳ	-	1.160.305.527	-	103.057.012.395
Chuyển từ dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	279.991.595	-	-
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	(6.961.308.475)
Hoàn nhập	-	-	(1.275.379.274)	-
Số dư cuối kỳ	95.524.943.609	19.698.468.368	29.785.217.369	132.435.104.876

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.843.741.131	-
Tăng trong kỳ	2.461.603.270	3.253.344.625
Phân bổ trong kỳ	(4.223.840.625)	(1.444.759.918)
Số dư cuối kỳ	6.081.503.776	1.808.584.707

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	30/9/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.085.275.448.697	691.332.892.670
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	3.438.342.000	22.845.246.300
	1.088.713.790.697	714.178.138.970

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	VND	6,8% - 8,5%	226.000.000.000	197.840.478.236
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)	Đô la Mỹ	4%	-	92.588.350.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM (ii)	VND	8,3% - 9,8%	249.023.837.056	196.832.871.434
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	VND	7,9% - 9,0%	51.746.743.365	115.250.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)	Đô la Mỹ	3,92%	-	-
• Ngân hàng TMCP Quốc tế Tây Ninh (iv)	VND	8,2% - 9,5%	124.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh	VND	9% - 11%	-	88.821.193.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng TP.HCM (v)	VND	8,9% - 9,5%	100.000.000.000	-
• Ngân hàng TNHH Thương Mại Chinatrust TP.HCM (vi)	VND	7,8% - 8,5%	63.000.000.000	-
• Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (vii)	VND	6% - 8,9%	60.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Quân đội Đông Sài Gòn (viii)	VND	7,5%	98.567.000.000	-
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (ix)	VND	8% - 9%	30.267.868.276	-
• Ngân hàng Natixis TP.HCM (x)	VND	8%	60.000.000.000	-
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh(xi)	VND	0%	3.400.000.000	-
• Khoản vay không đảm bảo từ nhân viên	VND	12%	19.270.000.000	-
			1.085.275.448.697	691.332.892.670

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 14 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh và các khoản phải thu.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, nhà xưởng kho cảng Bến Kéo, cổ phiếu NHS và BHS.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho.
- (xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.400 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.

15. Người mua trả tiền trước

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	29.374.700.000	29.374.700.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	-
Người mua trả tiền trước	568.530.383	377.923.024
	31.157.230.383	29.752.623.024

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất trong năm 2013.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân	157.367.901	-
Thuế giá trị gia tăng	8.059.379.839	4.980.685.467
	8.216.747.740	4.980.685.467

17. Chi phí phải trả

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự phòng định phí hoạt động	577.206.548	-
Hỗ trợ cho nông dân trồng mía	-	52.035.661.600
Phí vận chuyển và bốc dỡ	3.969.513.018	3.228.683.000
Chi phí lãi vay	2.166.148.076	2.430.989.432
Phép năm không sử dụng	675.470.310	1.197.102.280
Chi phí khác	398.700.916	1.158.708.615
	7.787.038.868	60.051.144.927

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	1.535.940.656	16.528.681.190
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	428.472.460	757.828.110
Phải trả khác	533.314.944	688.305.236
	3.697.728.060	19.174.814.536

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.439.854.010	1.459.224.234
Tăng trong kỳ	29.610.676.064	38.314.816.410
Sử dụng trong kỳ	(22.356.798.007)	(24.458.016.472)
Số dư cuối kỳ	17.693.732.067	15.316.024.172

20. Vay dài hạn

	30/9/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	20.126.392.000	72.011.359.776
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(3.438.342.000)	(22.845.246.300)
Hoàn trả sau 12 tháng	16.688.050.000	49.166.113.476

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/9/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	16.704.392.000	17.897.563.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (ii)	VND	9,6%	2016	3.422.000.000	4.211.000.000
• Ngân hàng TMCP Công Thương Tây Ninh	VND	14%	2016	-	49.902.796.776
				20.126.392.000	72.011.359.776

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 được hoàn trả trong 14 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 5.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 được hoàn trả trong 12 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và quý cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi chứng thư của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với giá trị là 2.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.500 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(139.395.212.895)	4.786.442.297	41.404.742.255	468.107.790.376	1.794.161.762.033
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.231.840.138)	-	-	-	(33.231.840.138)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	252.540.164.964	252.540.164.964
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	55.298.656.855	27.649.328.427	(121.262.801.692)	(38.314.816.410)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(255.851.600.000)	(255.851.600.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2012	1.419.258.000.000	-	(172.627.053.033)	60.085.099.152	69.054.070.682	343.533.553.648	1.719.303.670.449
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.594.294.697	43.155.705.303	-	-	-	50.750.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	159.770.343.177	159.770.343.177
Cổ tức	-	-	-	-	-	(191.888.700.000)	(191.888.700.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	6.223.716.363	24.963.155.637	-	-	-	31.186.872.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	131.363.945.666	131.363.945.666
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(133.450.410.000)	(133.450.410.000)
Cổ phiếu phát hành thêm	65.742.000.000	-	-	-	-	-	65.742.000.000
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2013	1.485.000.000.000	13.818.011.060	(104.508.192.093)	97.098.444.233	87.560.743.223	182.020.981.472	1.760.989.987.895

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	30/9/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	141.925.800	1.419.258.000.000
Cổ phiếu quỹ - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(8.475.390)	(84.753.900.000)	(10.500.000)	(105.000.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	140.024.610	1.400.246.100.000	131.425.800	1.314.258.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày		30/9/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	131.425.800	1.314.258.000.000	130.581.700	1.305.817.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	2.024.610	20.246.100.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(2.655.900)	(26.559.000.000)
Cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	6.574.200	65.742.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	140.024.610	1.400.246.100.000	127.925.800	1.279.258.000.000

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN**

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	129.471.347.730	139.395.212.895
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	(24.963.155.637)	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	33.231.840.138
Số dư cuối kỳ	104.508.192.093	172.627.053.033

Trong kỳ, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt phát hành lại toàn bộ cổ phiếu quỹ thông qua phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận với giá không thấp hơn 14.000 VND một cổ phiếu. Theo đó, 2.024.610 cổ phiếu quỹ đã được phát hành lại vào tháng 1, 3 và 4 năm 2013 với giá dao động từ 14.624 VND đến 15.777 VND một cổ phiếu.

23. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2012 và 500 VND cho một cổ phiếu cho tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN****25. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	1.269.283.570.086	1.279.503.607.440
▪ Bán mật đường	68.417.717.905	51.411.219.616
▪ Bán điện	26.275.966.800	28.409.340.600
▪ Bán phân bón	98.073.813.853	107.109.319.756
▪ Khác	12.891.315.016	12.231.702.079
	1.474.942.383.660	1.478.665.189.491
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.258.848.254)	(1.343.740.977)
Doanh thu thuần	1.473.683.535.406	1.477.321.448.514

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Giá vốn đường	1.097.057.815.388	1.009.438.340.806
Giá vốn mật đường	67.802.472.707	49.660.598.407
Giá vốn điện	24.693.040.995	23.400.749.442
Giá vốn phân bón	93.165.743.070	99.603.976.138
Khác	7.069.129.036	3.653.419.198
	1.289.788.201.197	1.185.757.083.991

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - DN****27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	55.156.843.854	39.230.771.086
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	46.257.943.125	39.207.542.685
Thu nhập cổ tức	16.101.788.400	14.712.486.400
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	470.572.332	4.441.748.457
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	328.443.107	454.402.658
Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán	-	110.555.364.630
	118.315.590.818	208.602.315.916

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	74.952.781.747	58.600.769.088
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.056.274.776	1.149.805.527
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	96.477.453.920
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.368.084.901	320.800.703
Chi phí khác	1.653.767.651	26.435.273
	79.030.909.075	156.575.264.511

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013 VND	30/9/2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	14.132.192.889	23.501.541.304
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	3.884.262.027	3.013.485.634
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.016.454.916	26.515.026.938

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 25%.

30. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 131.363 triệu VND (giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012: 252.540 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 135.103.415 (ngày 30 tháng 9 năm 2012: 128.092.518), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013 VND	30/9/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	131.363.945.666	252.540.164.965

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	131.425.800	130.581.700
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong kỳ	1.807.463	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	(2.489.182)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ	1.870.152	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	135.103.415	128.092.518

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	91.790.702.096	37.296.859.425
Mua đường thô	267.376.797.263	-
Tạm ứng từ bán cổ phiếu của Bourbon An Hòa	-	24.000.000.000
Thu nhập lãi	4.466.304.211	7.567.420.806
Chi phí lãi	-	1.799.875.000
Cho vay	30.000.000.000	98.000.000.000
Tiền tạm ứng nhận được cho bán đường và mật đường	-	60.460.000.000
Mua cổ phiếu Đường Nước Trong	53.765.987.400	-
Thu nhập từ cho thuê xe	36.000.000	-
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Bán hàng	2.328.073.834	-
Thu nhập lãi	3.058.999.999	-
Thu nhập từ cho thuê bồn mật	196.363.638	-
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa		
Thu nhập lãi	28.604.101.479	85.323.932.399
Cho vay	-	85.323.932.399
Lãi vay vốn hóa vào nợ gốc	29.181.406.100	85.323.932.399

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2013	30/9/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thuận Thiên		
Bán cổ phiếu Đường La Ngà	-	6.900.000.000
Thu nhập lãi	2.476.527.777	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng	19.857.233	-
Nhận cổ tức	10.222.722.000	10.222.722.000
Phí gia công	680.180.220	-
Phí bảo quản kho	64.611.106	-
Công ty Cổ phần Đường La Ngà		
Mua đường thô	23.174.013.283	-
Nhận cổ tức	4.489.764.400	4.489.764.400
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Tạm ứng nhận được cho dịch vụ tư vấn	1.110.000.000	-
Bán hom giống	38.232.000	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Góp vốn	7.200.000.000	-
Bán phân bón	368.928.446	-
Bán tài sản dài hạn và hàng tồn kho	3.332.363.114	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Mua đường thô	13.333.333.333	-
Nhận cổ tức	1.389.302.000	-
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	3.570.589.175	1.825.676.000

Người lập:

Nguyễn Thị Thủy Tiên
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Hoàng Tuấn
Phó Tổng Giám đốc thường trực

ngày 18 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

30/09/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2013

Đơn vị tính : VN đồng

	TÀI SẢN	Số đầu năm 01/01/2013	Số cuối kỳ 30/09/2013
I	Tài sản ngắn hạn	1,468,499,933,187	1,759,084,888,183
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110,669,897,291	23,273,494,352
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	249,669,110,661	261,640,010,334
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	729,502,883,593	1,053,300,543,309
4	Hàng tồn kho	339,388,288,019	332,350,337,940
5	Tài sản ngắn hạn khác	39,269,753,623	88,520,502,248
II	Tài sản dài hạn	1,165,893,692,678	1,188,722,327,119
1	Các khoản phải thu dài hạn	54,686,136,164	0
2	Tài sản cố định	650,697,805,044	619,678,147,990
	- Tài sản cố định hữu hình	540,043,448,468	548,421,837,825
	- Tài sản cố định vô hình	84,198,331,476	41,732,671,531
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26,456,025,100	29,523,638,634
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	452,371,627,957	561,573,184,358
5	Tài sản dài hạn khác	8,138,123,513	7,470,994,771
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,634,393,625,865	2,947,807,215,302
	NGUỒN VỐN		
IV	Nợ phải trả	938,635,369,571	1,186,817,227,407
1	Nợ ngắn hạn	889,469,256,095	1,170,129,177,407
2	Nợ dài hạn	49,166,113,476	16,688,050,000
V	Vốn chủ sở hữu	1,695,758,256,294	1,760,989,987,895
1	Vốn chủ sở hữu	1,695,758,256,294	1,760,989,987,895
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,419,258,000,000	1,485,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	7,594,294,697	13,818,011,060
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	(129,471,347,730)	(104,508,192,093)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	129,139,169,834	184,659,187,456
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	269,238,139,493	182,020,981,472
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,634,393,625,865	2,947,807,215,302
		0	0

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2013

	Chỉ tiêu	Quý 3/2013	Lũy kế đến 30/09/2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	561,770,894,768	1,474,942,383,660
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(486,756,316)	(1,258,848,254)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	561,284,138,452	1,473,683,535,406
4	Giá vốn hàng bán	(499,976,161,010)	(1,289,788,201,197)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61,307,977,442	183,895,334,209
6	Doanh thu hoạt động tài chính	38,839,947,355	118,315,590,818
7	Chi phí tài chính	(28,055,004,333)	(79,030,909,075)
8	Chi phí bán hàng	(13,148,453,660)	(31,463,564,274)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(12,991,667,943)	(44,964,726,256)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	45,952,798,861	146,751,725,422
11	Thu nhập khác	1,647,151,943	6,341,345,761
12	Chi phí khác	(80,668,449)	(3,712,670,602)
13	Lợi nhuận khác	1,566,483,494	2,628,675,159
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47,519,282,355	149,380,400,581
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3,924,787,307)	(14,132,192,889)
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1,216,638,955)	(3,884,262,027)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42,377,856,093	131,363,945,665
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	314	972

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN



Tây Ninh, ngày 18 tháng 10 năm 2013
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN HOÀNG TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2013

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3/2013	Lũy kế từ đầu năm (01/01->30/09/2013)	Quý 3/2012	Lũy kế năm trước (01/01->30/09/2012)
1. Tổng doanh thu	01	561,770,894,768	1,474,942,383,660	300,632,409,045	1,478,665,189,491
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(486,756,316)	(1,258,848,254)	(30,200,882)	(1,343,740,977)
3. Doanh thu thuần	10	561,284,138,452	1,473,683,535,406	300,602,208,163	1,477,321,448,514
4. Giá vốn hàng bán	11	(499,976,161,010)	(1,289,788,201,197)	(259,197,436,061)	(1,185,757,083,991)
5. Lợi nhuận gộp	20	61,307,977,442	183,895,334,209	41,404,772,102	291,564,364,523
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	38,839,947,355	118,315,590,818	38,600,377,991	208,602,315,916
7. Chi phí tài chính	22	(28,055,004,333)	(79,030,909,075)	(10,053,451,492)	(156,575,264,511)
- Trong đó: lãi vay	23	(25,925,947,206)	(74,952,781,747)	(10,000,806,528)	(58,600,769,088)
8. Chi phí bán hàng	24	(13,148,453,660)	(31,463,564,274)	(7,097,965,744)	(27,698,166,915)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(12,991,667,943)	(44,964,726,256)	(13,915,197,202)	(38,364,734,011)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	45,952,798,861	146,751,725,422	48,938,535,655	277,528,515,002
11. Thu nhập khác	31	1,647,151,943	6,341,345,761	435,072,962	1,530,137,091
12. Chi phí khác	32	(80,668,449)	(3,712,670,602)	-	(3,460,191)
13. Lợi nhuận khác	40	1,566,483,494	2,628,675,159	435,072,962	1,526,676,900
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	47,519,282,355	149,380,400,581	49,373,608,617	279,055,191,902
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(3,924,787,307)	(14,132,192,889)	(8,376,285,022)	(23,501,541,304)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(1,216,638,955)	(3,884,262,027)	1,179,733,737	(3,013,485,634)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	42,377,856,093	131,363,945,665	42,177,057,333	252,540,164,965

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Ngày 18 tháng 10 năm 2013

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



NGUYỄN HOÀNG TUẤN